

Bản án số: 80/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-10-2018

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Trúc
Bà Ngô Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị V - Sinh năm 1990
Nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ: Thôn 2, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Trần Sỹ C - Sinh năm 1990
Nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ hiện nay: 542 Lê Văn Q, phường B, quận B, Thành phố H.

Tại phiên tòa, có mặt chị V, vắng mặt anh C (Có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2018, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị V trình bày: Chị và anh Trần Sỹ C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 01 tháng 3 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh C hay đi làm ăn xa rồi có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C không nghe. Gia đình và các đoàn thể địa phương cũng đã hòa giải nhưng không được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị V xác định vợ chồng

không thể tiếp tục sống chung được vì tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết cho chị ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Lê Bảo N sinh ngày 21 tháng 4 năm 2015, cháu ở với mẹ từ nhỏ, hiện đang học Trường Mầm non xã M. Chị V có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu B và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Chị làm y tá tại Trạm y tế xã M, tổng thu nhập 3.000.000đ/ tháng, có nơi ở ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 13 tháng 8 năm 2018 và Đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn thụ lý, giải quyết vụ án, Đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ngày 06/9/2018, anh Trần Sỹ C trình bày: Anh thống nhất với Đơn khởi kiện xin ly hôn mà chị V đã gửi ra tòa, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Lê Bảo N, đang ở với mẹ. Anh đồng ý giao con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng và chu cấp hàng tháng nuôi con theo cô V yêu cầu.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C có hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Anh đi làm ăn và hiện nay anh đang sinh sống tại 542 Lê Văn Q, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do công việc và đường xá xa xôi nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn thụ lý vụ án và giải quyết vắng mặt anh trong phiên họp, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Sỹ C có hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay, anh C đang cư trú tại 542 Lê Văn Q, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có Đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn thụ lý, giải quyết vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Chị V có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Anh C có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị V và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh C không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau. Chị V và anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được. Chị V xin ly hôn, anh C cũng đồng ý ly hôn.

Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị V và anh C.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Lê Bảo N sinh ngày 21 tháng 4 năm 2015. Chị V có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu B. Anh C cũng đồng ý nhường quyền nuôi con cho chị V.

Xét sự thỏa thuận của chị V và anh C là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận, giao cháu Bảo N cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 10/2018 cho đến khi cháu Bảo N đủ 18 tuổi. Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu chị V không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị V và anh C không có tài sản chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị V và anh Trần Sỹ C.

2. Về con chung: Công nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Lê Bảo N sinh ngày 21 tháng 4 năm 2015. Giao cháu Bảo N cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 10/2018 cho đến khi cháu Bảo N đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Chị V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0005109 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị V đã nộp đủ án phí.

Anh C phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu